

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH THANH HÓA**
Bản án số: 350 /2021/HSST
Ngày: 27 / 9/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T- TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa
Các hội thẩm nhân dân: 1 Ông Lê Cát Tường
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 376/2021/HSST ngày 07/9/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 373 /2021/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Huy P, sinh năm 1984; Nơi ĐKNKTT: thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố: Nguyễn Huy K, sinh năm 1952; Mẹ: Vũ Thị Th(Đã chết); Vợ: Phạm Thị Nh, sinh năm 1985; có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1988

Địa chỉ: xã Quảng H, huyện Quảng X, tỉnh Thanh Hóa.(vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1987

Địa chỉ: phố Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11h45' ngày 18/6/2021 Nguyễn Huy P điều khiển xe mô tô đến Bệnh viện Nhi, phường Đ, thành phố T. Khi lên tầng 6 nhà D, P đi qua phòng 607, nhìn thấy có 01 điện thoại di động của chị Nguyễn Thị D đang để trên giường cạnh cửa ra vào. P quan sát không thấy có người trong phòng, P đi vào lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần và đi ra ngoài. Sau đó P tháo sim mang điện thoại đến cửa hàng sửa chữa điện thoại của anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1987, đường Q, phường Đ, thành phố T để bán. Anh L đồng ý mua chiếc điện thoại di động với số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền này Phong đã sử dụng tiêu xài cá nhân.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản chị Nguyễn Thị D đã đến Công an phường Đ, thành phố T báo cáo sự việc. Ngày 21/6/2021, Nguyễn Huy P đã đến Công an thành phố T đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội, anh Nguyễn Ngọc L đã giao nộp chiếc điện thoại cho Cơ quan Công an. Gia đình Nguyễn Huy P đã bồi thường số tiền 4.000.000 đồng cho anh L. Anh L không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Ngày 24/6/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa định giá tài sản bị trộm cắp gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 trị giá 11.000.000 đồng, 01 ốp điện thoại trị giá: 100.000 đồng.

Ngày 21/7/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T đã trả lại chiếc điện thoại Iphone 11 cho chị Nguyễn Thị D, chị D không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Đối với chiếc xe mô tô Nguyễn Huy P sử dụng đi đến Bệnh viện Nhi để trộm cắp. Qua xác minh là xe của anh Vũ Công H (anh họ P). Anh H khai báo chiếc xe này là loại Dream cũ, anh H không nhớ biển kiểm soát, hiện tại đã bán đồng nát cho người đi đường. Việc P lấy xe đi để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản anh H không biết. Vì vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Cáo trạng số 258/CT-VKSTP ngày 06/9/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố Nguyễn Huy P về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thành phố Thanh Hóa luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 của BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo tù 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về dân sự bị cáo đã bồi thường xong.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, cùng các chứng cứ khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ. Đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 11h15' ngày 21/6/2021, tại phòng 607, tầng 6 nhà D Bệnh viện Nhi tỉnh Thanh Hóa, lợi dụng chủ sở hữu không quản lý tài sản, Nguyễn Huy P đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động trị giá 11.100.000 đồng (Mười một triệu một trăm nghìn đồng) của chị Nguyễn Thị D. Sau đó Phong tháo sim mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Ngọc L bán với giá 4.000.000đ số tiền này P tiêu xài cá nhân.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đã đánh giá đúng tính chất hành vi nguy hiểm của tội phạm, đồng thời vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn

Huy P về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Huy P đã phạm vào tội “ Trộm cắp tài sản” Tội danh và khung hình phạt áp dụng xét xử đối với bị cáo qui định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS.

[3] Đây là vụ trộm cắp tài sản được thực hiện vào ban ngày, bị cáo lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ tài sản trong việc trông coi quản lý tài sản của mình, bị cáo nhanh chóng tiếp cận, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an nơi khu vực, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do vậy phải được xử lý nghiêm minh.

[4] Về nhân thân, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người có tuổi đời còn rất trẻ, nhưng không chịu khó học tập lao động, ham chơi đua đòi, không có tiền ăn tiêu, nên bị cáo đã nảy sinh hành vi trộm cắp, nhất thời lao vào con đường phạm tội. Nhân thân bị cáo chưa tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã đến Cơ quan Công an đầu thú, thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm s,b,i khoản 1,2 Điều 51 của BLHS. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, nghĩ nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà sửa chữa sai phạm của mình, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Theo báo cáo của bị hại chị Nguyễn Thị D tài sản bị trộm cắp là chiếc điện thoại Iphone11 và 01 ốp điện thoại chị đã nhận lại đầy đủ và không có ý kiến gì, nghĩ nên công nhận bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản.

Đối với số tiền 4.000.000đ bị cáo P bán cho anh Nguyễn Ngọc L, bị cáo P đã bồi thường cho anh L, anh L không yêu cầu gì thêm do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s,b,i khoản 1 Điều 51; khoản 1,2 và 5 Điều 65; BLHS; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Nguyễn Huy P phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Huy P 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- **Về phần dân sự:** Công nhận bị hại chị Nguyễn Thị D đã nhận lại tài sản đầy đủ.

- *Án phí hình sự sơ thẩm:* Bị cáo phải chịu 200.000đ

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Công an thành phố T;
- VKSND thành phố T;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Hoa

THỦ TỤC PHIÊN TÒA HÌNH SỰ

1/ Thủ tục bắt đầu phiên tòa:

+ Chủ tọa khai mạc phiên tòa: (Yêu cầu bị cáo đứng trước bục khai báo; Yêu cầu tất cả mọi người trong phòng xử án đứng dậy)

Hôm nay ngày...../..../2018 Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa,
Tòa án nhân dân Thành Phố thanh hóa mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm một số vụ án hình sự:

- Vụ thứ nhất đối với bị cáo Hà Đức Thắng bị đưa ra xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS
- Vụ thứ hai đối với bị cáo Nguyễn Văn Khanh bị đưa ra xét xử về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm I khoản 1 Điều 249 BLHS
- Vụ thứ 3 đối với bị cáo Hoàng Thị Hiền bị đưa ra xét xử về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS

Thay mặt HĐXX tôi tuyên bố khi mạc phiên tòa.

Cho phép mọi người ngồi xuống. Riêng bị cáo Hoàng Thị Hiền đứng trước bục khai báo, Thay mặt Hội đồng xét xử tôi công bố “ Quyết định đưa vụ án ra xét xử”.

Yêu cầu thư ký báo cáo sự có mặt, vắng mặt của những người được triệu tập đến phiên tòa.

+ Kiểm tra căn cước:

Bị cáo khai rõ họ tên..., ngoài tên Tân bị cáo có tên nào khác không ? nơi ĐKHK, tên bố mẹ bị cáo, bị cáo có vợ chưa, tên là gì, bị cáo có mấy con, bao nhiêu tuổi ? bị cáo đã có tiền án tiền sự chưa ? Bị cáo đã nhận được Cáo trạng và QĐ đưa vụ án ra xét xử vụ án này chưa?

+ Thay mặt HĐXX tôi giải thích quyền và nghĩa vụ của bị cáo tại phiên tòa:

- Về quyền: (Điều 61 BLTTHS)

1. Được nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Được nhận bản án, Quyết định của Tòa án và các Quyết định tố tụng khác theo qui định của Pháp luật.
2. Được tham gia phiên tòa
3. Được giải thích quyền và nghĩa vụ;
5. Được đề nghị xin thay đổi những người tiến hành tố tụng (nếu xét thấy những người này không vô tư khách quan trong quá trình giải quyết vụ án).
6. Được đưa ra tài liệu, đồ vật yêu cầu;
7. Được trình bày ý kiến, về chứng cứ tài liệu, đồ vật liên quan
8. Được quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa (Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không mời luật sư bào chữa, do vậy bị cáo phải tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình);
9. Được trình bày lời khai, trình bày ý kiến
10. Được tranh luận tại phiên tòa
11. Được nói lời sau cùng trước khi HĐXX vào nghị án, Xem biên bản phiên tòa, ghi sửa đổi bổ sung vào biên bản.
12. Được kháng cáo bản án theo qui định của Pháp luật;
13. Được khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.
14. Được các quyền khác theo qui định của Pháp luật.

Về nghĩa vụ:

- + Bị cáo phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; Phải chấp hành nội qui Phiên tòa;

+ Tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa, Tòa hỏi đến đâu khai báo đến đó, khi xưng hô phải xưng tôi thưa hội đồng xét xử, thưa đại diện VKS, muốn hỏi hoặc đề xuất vấn đề gì phải xin phép;

+ Bị cáo đang bị tạm giam khi ra phiên tòa chỉ được tiếp xúc với người bào chữa, việc tiếp xúc với người khác phải được phép của chủ tọa phiên tòa;

- Bị cáo phải có mặt trong suốt thời gian xét xử vụ án

+ Chủ tọa giới thiệu thành phần HĐXX-KSV-TK

Tôi là **Lê Thị Hoa** - Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa hôm nay;

Ông **Lê Anh Tuấn**

Bà **Lê Thị Loan**

Là hai hội thẩm nhân dân, ba chúng tôi có quyền quyết định về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác có liên quan trong việc giải quyết vụ án

Kiểm sát viên; Bà **Đoàn Lệ Mỹ**, giữ quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo Pháp luật vụ án này tại phiên tòa.

Thư ký: Bà **Mai Thị Trang** - Thư ký Tòa án, làm thư ký phiên tòa.

+ Để thực hiện quyền của mình, Bị cáo đề nghị thay đổi ai trong số thành viên những người tiến hành tố tụng tôi vừa giới thiệu không?

+ Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa đại diện VKS có ý kiến bổ sung gì thêm không?

2/ Kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, chuyển sang phần xét hỏi, trước khi xét hỏi. Đề nghị VKS công bố bản cáo trạng.

Bị cáo đã nghe rõ cáo trạng của VKS chưa? Cáo trạng có giống như cáo trạng mà bị cáo đã được nhận không.

*** Phần xét hỏi:**

- **Chủ tọa hỏi:** Bị cáo:

+ Bị cáo khai rõ 16h 30' ngày 09/4/2018 bị cáo đến khu vực phường Đông Hương làm gì?

+ Bị cáo mua ma túy của ai, tên tuổi và địa chỉ ?

+ Bị cáo có quen biết người bán ma túy cho bị cáo không?

+ Tại sao bị cáo biết người thanh niên bán ma túy mà mua?

+ Bị cáo mua ma túy của người thanh niên này bao nhiêu lần rồi ?

- + Bị cáo mua số lượng ma túy là bao nhiêu gói, và giá tiền bao nhiêu?
- + Bị cáo khai rõ đặc điểm gói ma túy?
- + Bị cáo lấy tiền ở đâu để mua ma túy, có ai góp tiền để mua ma túy cùng bị cáo không?
- + Hành vi mua ma túy trên có ai tham gia cùng bị cáo không?
- + Sau khi mua ma túy, bị cáo cất giấu ma túy ở đâu
- + Xe máy bị cáo đi mua ma túy là của ai ?
- + Bị cáo mượn xe, anh Thủy có biết bị cáo đi mua ma túy không?
- + Mục đích bị cáo mua ma túy để làm gì?
- + Bị cáo có nghiện không, hình thức nghiện như thế nào, nghiện lâu chưa?
- + Ngoài việc bị cáo giao nộp 01 gói ma túy cho công an, công an còn thu giữ của bị cáo những gì?
- + Ngoài hành vi phạm tội lần này , bị cáo còn có hành vi phạm tội khác không?
- + Bị cáo bị tạm giữ ngày nào, tạm giam ngày nào (tạm giam ngày 19/4/2018)
- + Bị cáo nhận thức về hành vi phạm tội của mình như thế nào?
 - + *Về phần thủ tục xét hỏi các vị HTND có hỏi gì thêm? Đại diện VKS có hỏi gì thêm không? Bị cáo có yêu cầu hỏi thêm vấn đề gì thêm không ?*
- * Tại phần xét hỏi HĐXX xét thấy bị cáo đã khai báo thành khẩn, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai người làm chứng nên không xét hỏi gì thêm đối với bị cáo nữa, tôi tuyên bố kết thúc phần xét hỏi chuyển sang phần tranh luận, trước khi chuyển sang phần tranh luận - Đề nghị VKS trình bày luận tội :**

- Bị cáo nghe rõ VKS trình bày bản luận tội chưa, bị cáo có tranh luận gì không? (Do bị cáo không tranh luận gì nên kết thúc phần tranh luận).

- Do bị cáo không tranh luận gì nên kết thúc phần tranh luận.

(Nếu có tranh luận thì đại diện VKS đối đáp).

3/ Kết thúc phần tranh luận, chuyển sang phần nghị án

Trước khi HĐXX vào phòng nghị án để ra tuyên án, bị cáo được nói lời sau cùng, bị cáo có nói gì không?

Cho bị cáo về chỗ ngồi, trong thời gian bị cáo chờ tuyên án, giao bị cáo cho các đồng chí công an quản lý, giám sát trong thời gian HĐXX nghị án.

Thay mặt HĐXX chủ tọa tuyên án.